

Số: /TC-STP

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 5 năm 2026

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 5 năm 2026, như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 5 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 về việc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết và dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh quy định các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 Bãi bỏ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho

báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

6. Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 Bãi bỏ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

7. Quyết định số 34/2026/QĐ-CTUBND ngày 18/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

8. Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

9. Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND.

10. Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trên cơ sở thông tin do các sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của **10** văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 5 năm 2026 như sau:

1. Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 về việc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/5/2026.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

*** Cơ sở chính trị pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 của Chính phủ nội dung Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ có quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, phân quyền thực hiện thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất có khác với quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp.”

*** Cơ sở thực tiễn**

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 254/2025/NĐ-CP quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, trong đó có nhiều nội dung quan trọng giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ đã giao *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền”* thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 cho phù hợp; Chính phủ đã có Báo cáo số 54/BC-CP ngày 26/02/2026 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Như vậy, để đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai được kịp thời, phù hợp, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu là rất cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng Quyết định về việc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khi Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành để áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND gồm 7 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp trong lĩnh vực đất đai

Điều 4. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Điều khoản thi hành

2. Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết và dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2026.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

* Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2035;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Tại khoản 5 Điều 28 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại địa phương*”;

Tại khoản 2 Điều 27 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực tại địa phương*”;

Tại khoản 2 Điều 31 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực tại địa phương*”;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 371/UBND-VX ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc triển khai thực hiện Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và các quy định nêu trên, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết và dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý, thống nhất và kịp thời trong tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

* Cơ sở thực tiễn

Lai Châu là tỉnh vùng núi phía Tây Bắc với quy mô 38 xã, phường, có tổng diện tích đất tự nhiên 906.878.87 ha, trong đó có 526.533,58 ha đất nông nghiệp, chiếm 58,06 % diện tích tự nhiên của tỉnh. Địa hình chia cắt mạnh bởi dãy núi Hoàng Liên Sơn và hệ thống lưu vực Sông Đà tạo ra các tiểu vùng khí hậu đặc trưng khác nhau từ độ cao trên 200 m đến hơn 3000 m so với mực nước biển có lợi thế phát triển

nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao.

Giai đoạn 2021–2025, tỉnh Lai Châu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Qua triển khai thực hiện, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, vùng khó khăn, vùng biên giới tiếp tục được quan tâm đầu tư; cảnh quan môi trường nông thôn tiếp tục được cải thiện; an ninh, trật tự được giữ vững; diện mạo nông thôn từng bước đổi mới; sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; công tác giảm nghèo có chuyển biến tích cực. Nhiều dự án, kế hoạch liên kết và mô hình hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất cộng đồng được triển khai hiệu quả, tập trung vào các ngành hàng chủ lực, phù hợp điều kiện sinh thái và tập quán sản xuất của người dân như: phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm bản địa; trồng cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới, chè, quế, mắc ca; nuôi thủy sản lòng hồ; phát triển nghề truyền thống gắn với tiêu thụ sản phẩm. Một số dự án đã hình thành các tổ nhóm liên kết, hợp tác xã hoặc tham gia liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, giảm rủi ro thị trường. Các mô hình phát triển sản xuất từng bước chuyển từ quy mô nhỏ lẻ sang liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Thông qua các dự án, người dân được hỗ trợ giống, vật tư, kỹ thuật; được tập huấn nâng cao năng lực sản xuất và từng bước tiếp cận phương thức sản xuất hàng hóa, góp phần nâng cao thu nhập và năng lực tự vươn lên, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, thực tiễn vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn; cơ sở hạ tầng và điều kiện phát triển sản xuất tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Việc triển khai các dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia còn một số khó khăn như: quy mô dự án còn nhỏ, phân tán; liên kết sản xuất - tiêu thụ chưa thật sự bền vững; năng lực quản lý, tổ chức thực hiện dự án ở một số địa phương, cộng đồng còn hạn chế; việc lồng ghép, phối hợp giữa các chương trình, nguồn vốn đôi khi chưa đồng bộ. Những khó khăn này đặt ra yêu cầu cần có quy định cụ thể hơn về phân cấp thẩm quyền, quản lý, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách nộp hồ sơ và quy trình tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất.

Tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 257/2025/QH15 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035. Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030 (Nghị quyết số 05-NQ/ĐH ngày 19/9/2025) xác định mục tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ tới toàn tỉnh có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3 - 4%/năm, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển giai đoạn mới và xuất phát từ thực tiễn nêu trên và các quy định của pháp luật việc ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết và dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu là rất cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết và dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu, làm cơ sở để phân cấp rõ nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước ở địa phương trong việc phê duyệt, quản lý trong tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh, đồng thời cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực tại địa phương.

Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, lấy người dân làm trung tâm trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách, xác định nội dung, tổ chức quản lý và triển khai các giải pháp thực hiện các dự án; bảo đảm vai trò chủ thể của nhân dân, cộng đồng dân cư, các tổ chức tham gia hoạt động các dự án phát triển sản xuất.

Tăng cường huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; bảo đảm quản lý, sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

2.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án

Điều 3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

3. Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh quy định các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/5/2026.

Các nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Sau khi Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn có hiệu lực thi hành; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 quy định các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã, do đó UBND ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh quy định các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là

cần được sửa đổi, bổ sung cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

3.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Thay thế cụm từ tại khoản 2 Điều 4 như sau:

Điều 2. Hiệu lực thi hành

4. Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 Bãi bỏ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026.

4.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 13/5/2026.

Quyết định này bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó có nội dung kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện hiện nay kể từ ngày 01/7/2025.

Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị cấp xã của tỉnh Lai Châu

năm 2025;

Căn cứ các Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 314/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2026 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiện toàn tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã kết thúc hoạt động; quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Đảng ủy UBND tỉnh, với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy UBND tỉnh được điều chỉnh theo các quy định, quy chế mới của Đảng.

UBND tỉnh đã triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, dẫn đến sự thay đổi, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện (*nay là UBND cấp xã*). Những thay đổi dẫn đến quy định tại Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND không còn phù hợp.

Về phương diện pháp lý, ngày 08/12/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 314/2025/NĐ-CP về Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó, UBND tỉnh sẽ ban hành Quy chế làm việc nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định tại Nghị định số 314/2025/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy đã ban hành Quy chế số 07-QC/TU ngày 24/4/2025 về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2025-2030; Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Quy chế số 01-QC/ĐU ngày 28/10/2025 về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh Lai Châu khóa II, nhiệm kỳ 2025-2030.

Từ những lý do nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026 là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấm dứt hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

4.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Điều khoản thi hành

5. Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

5.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 25/5/2026.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu;

Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước, ngày 11 tháng 4 năm 2017 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ban hành Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện cho thấy một số nội dung của Quyết định nêu trên không còn phù hợp với tình hình thực tế. Sau khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự điều chỉnh, thay đổi. Bên cạnh đó, một số quy định trong Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND còn bộc lộ những hạn chế, bất cập như: chưa quy định cụ thể người thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; chưa bao quát đối tượng là các tổ chức cấp tỉnh thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương; một số nội dung về trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí và phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí cần được rà soát, điều chỉnh để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình hiện nay. Vì vậy UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với các quy định hiện hành, là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, xã, phường; các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân các các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

5.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày

11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 3. Điều khoản thi hành

6. Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 Bãi bỏ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

6.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 25/5/2026.

Quyết định này bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 quy định nội dung về Sách giáo khoa giáo dục phổ thông như sau:

“c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn sách giáo khoa sử dụng ổn định trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

Thực hiện Luật giáo dục, ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT về Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 về Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, ngày 22/8/2025 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tiếp đó Chính phủ ban hành Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71- NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá

phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung chỉ đạo sử dụng một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 về bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc và Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2026 về việc bổ sung sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc.

Tiếp đó, ngày 10/12/2025 Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, tại khoản 8 Điều 1 Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 có nội dung sau:

“1. Sách giáo khoa giáo dục phổ thông được quy định như sau:

a) Sách giáo khoa triển khai chương trình giáo dục phổ thông, cụ thể hóa yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông về mục tiêu, nội dung giáo dục, yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh; định hướng về phương pháp giảng dạy và cách thức kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; nội dung và hình thức sách giáo khoa không mang định kiến dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội; sách giáo khoa thể hiện dưới dạng sách in, sách chữ nổi Braille, sách điện tử;

b) Chính phủ quy định việc miễn phí sách giáo khoa cho học sinh; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định một bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc;

c) Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và thành lập theo từng môn học, hoạt động giáo dục để thẩm định sách giáo khoa. Hội đồng và thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng thẩm định;

d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông sau khi được Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa thẩm định và đánh giá xếp loại đạt; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa giáo dục phổ thông”.

Như vậy, theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không còn thẩm quyền quyết định việc lựa chọn sách giáo khoa sử dụng ổn định trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn. Do đó Quyết định 13/2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 về Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu không còn phù hợp với thực tiễn.

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định

13/2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 về Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu là rất cần thiết, đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

6.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

7. Quyết định số 34/2026/QĐ-CTUBND ngày 18/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

7.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 34/2026/QĐ-CTUBND ngày 18/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15.

Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Nghị

định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Công văn số 10437/BTC-QLCS ngày 10/7/2025 của Bộ Tài chính về việc triển khai Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025. Sở Tài chính đã tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 76/2025/QĐ-CTUBND ngày 21/10/2025 quy định thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và tổ chức thực hiện bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 25, 26 và 27 Nghị định này và quy định sau:

b) Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi:

... Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 58, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi điểm g Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ: *“g) Thay thế cụm từ “, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản” thành “hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán” tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 58, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 59”.*

Ngày 26/02/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 19/CD-TTg về việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công, theo đó tại khoản 2 quy định: *“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau: a) Tiếp tục rà soát để ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản theo thẩm quyền để triển khai các văn bản quy phạm pháp luật do trung ương ban hành, đặc biệt là các quy định cụ thể về phân cấp trong quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được*

xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng để bảo đảm cơ sở pháp lý, tăng cường phân cấp, phân quyền và đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác tài sản công”.

Sau khi rà soát, một số nội dung quy định tại Quyết định số 76/2025/QĐ-CTUBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2025/QĐ-CTUBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng quy định.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2025/QĐ-CTUBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh nhằm đảm bảo tính pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ; điểm g Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ.

7.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 34/2026/QĐ-CTUBND gồm 5 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8

Điều 3. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9

Điều 5. Điều khoản thi hành

8. Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026.

Quyết định này thay thế Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ pháp lý

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT- BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 26/6/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai

Châu. Quy chế được ban hành trên cơ sở Pháp lệnh Ưu đãi người có công số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 và Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Quá trình triển khai thực hiện Quy chế đã phù hợp với tình hình thực tiễn, phát huy hiệu quả trong công tác quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh (hiện nay có 27 công trình ghi công liệt sĩ, gồm: 09 nghĩa trang liệt sĩ, 03 đài tưởng niệm liệt sĩ và 15 nhà bia ghi tên liệt sĩ), đồng thời bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý công trình ghi công liệt sĩ theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 và Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp kể từ ngày 01/7/2025 đã làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị. Theo đó, nhiều nội dung quy định tại Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cũng như quy định của pháp luật hiện hành.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “ban hành quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn”; đồng thời, khoản 4 Điều 152 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh”.

Vì vậy, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý. Quyết định được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định này nhằm quy định cụ thể công tác quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời làm căn cứ pháp lý để các

cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã và các cá nhân có liên quan thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.

8.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

* Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm 3 Chương 11 Điều;

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

Chương II. Quy định cụ thể

Điều 4. Nội dung quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Chương III. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Sở Nội vụ

Điều 7. Các sở, ban, ngành liên quan

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 9. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan khác

Điều 10. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Điều 11. Điều khoản thi hành

9. Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024; Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu; quá trình triển khai các định mức trên đã góp phần đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong xây dựng kế hoạch, dự toán chi phí, quản lý chất lượng và đánh giá hiệu quả sản xuất, nhằm tối ưu hóa nguồn lực, giảm chi phí và nâng cao năng suất.

Tuy nhiên, hiện nay có một số mô hình sản xuất cây trồng, vật nuôi mới, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng chưa có trong định mức kinh tế kỹ thuật theo các quyết định trên như: Khoai sẫm (Hoàng Sin Cô), Thiên môn đông, Mạch môn; nuôi Dúi, Hươu... Do đó việc UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt là việc hỗ trợ phát triển sản xuất các chương trình mục tiêu quốc gia là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời sửa đổi, bổ sung đơn giá bồi thường thực hiện trên địa bàn tỉnh phù hợp với các văn bản quy định của cơ quan cấp có thẩm quyền và tình hình thực tế của địa phương, nhằm đảm bảo sự đồng bộ, minh bạch của pháp luật.

9.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục kèm theo Điều 3 Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND

Điều 2. Điều khoản thi hành

10. Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

10.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 07/6/2026.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Trong thời gian thực hiện Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu, về cơ bản đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại địa phương, giúp cho công tác thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn các tỉnh đạt kết quả tốt, đảm bảo tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án. Tuy nhiên, Quyết định này đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, gây khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện bồi thường, cụ thể:

Trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh, phát sinh nhiều loại cây trồng, vật nuôi mới (Sâm Lai Châu, Cá tầm trọng lượng trên 1,4 kg, cây Phong lá đỏ, cây Nhài nhật...) không có trong đơn giá bồi thường quy định tại Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu và các cây trồng, vật nuôi trên không có căn cứ để xác định được cây trồng tương đương để lập phương án bồi thường.

- Việc xác định năng suất, sản lượng cây trồng gặp nhiều khó khăn: Niên giám thống kê, báo cáo phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn các xã chỉ thống kê năng suất, sản lượng một số loại cây trồng chính, có diện tích gieo trồng nhiều, phổ biến như lúa, ngô...; nhiều loại cây trồng khác không có thông tin về năng suất, sản lượng như: một số loại cây ăn quả, rau màu, dược liệu... Việc khảo sát, đánh giá thực tế năng suất của cây trồng gặp nhiều khó khăn, do tại thời điểm bồi thường không phải là mùa vụ thu hoạch, không có vườn cây tương ứng để so sánh, chủ yếu căn cứ vào ý kiến kê khai của người có đất bị thu hồi; không có cơ sở, tài liệu chứng minh sản lượng cây trồng cụ thể. Do đó, khó khăn trong việc xác định mức bồi thường đối với một số loại cây trồng không có thông tin về năng suất, sản lượng trong một số dự án cụ thể.

- Không quy định mật độ các loại cây trồng lâu năm để áp dụng hỗ trợ, nên thực tế triển khai, có một số hộ trồng mật độ cao hơn nhiều lần so với định mức kinh tế kỹ thuật, trồng xen nhiều loại cây trồng trên một đơn vị diện tích, chi phí bồi thường cao, ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án đầu tư.

- Việc điều tra, xác định thời gian trồng cây, thời gian cây cho thu hoạch để

tính số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là đánh giá bằng mắt thường, tự ước lượng hoặc căn cứ vào ý kiến kê khai của người có đất bị thu hồi; không có cơ sở, tài liệu chứng minh thời gian trồng cây, thời gian cây đang cho thu hoạch để tính số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch. Một số loại cây lâu năm khác cho thu hoạch nhiều lần, không có trong quy định, nên không có căn cứ để xác định chu kỳ thu hoạch; một số cây có chu kỳ thu hoạch, nhưng thực tế thời gian khai thác sau chu kỳ còn kéo dài hơn.

- Chưa có quy định về xác định cây trồng tương đương, nên trong quá trình triển khai còn lúng túng, gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

- Chưa quy định việc “phương pháp xác định khối lượng thủy sản thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng không thể tháo, bơm cạn nước để cân trực tiếp”, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện bồi thường. Do đó, cần bổ sung quy định đền bù theo đơn vị diện tích trong trường hợp không thể tháo, bơm cạn nước. Đồng thời đối với vật nuôi, việc xác định trọng lượng vật nuôi để tính bồi thường chỉ phụ thuộc vào phương pháp cân trực tiếp, trong khi thực tế nhiều trường hợp không thể cân được (vật nuôi chết, số lượng lớn, địa hình khó khăn, thiếu thiết bị cân...). Điều này có thể làm kéo dài thời gian xác định thiệt hại, gây khó khăn cho cơ quan thực hiện, đồng thời dễ phát sinh ý kiến khác nhau trong quá trình xác nhận mức bồi thường, ảnh hưởng đến tiến độ hỗ trợ.

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, theo đó giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng bảo đảm **phù hợp với tình hình thực tế của địa phương** và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động.

Để khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế thì việc bổ sung thêm các đối tượng cây trồng, vật nuôi mới, quy định mật độ cụ thể cho các cây trồng, không quy định chu kỳ thu hoạch sản phẩm; quy định các trường hợp không thể di chuyển cây trồng, trường hợp bất khả kháng không thể tháo, bơm cạn nước để xác định sản lượng thủy sản..., quy định thống nhất đơn giá chung trên địa bàn tỉnh, thuận lợi trong triển khai thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất, đảm bảo lợi ích cho người bị ảnh hưởng.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời sửa đổi, bổ sung đơn giá bồi thường thực hiện trên địa bàn tỉnh phù

hợp với các văn bản quy định của cơ quan cấp có thẩm quyền và tình hình thực tế của địa phương, nhằm đảm bảo sự đồng bộ, minh bạch của pháp luật.

10.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND gồm 5 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

Điều 4. Điều khoản chuyên tiếp

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trên đây là thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 5 năm 2026, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh; (*báo cáo*)
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh; (*để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh*)
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐTTH PBGDPL tỉnh; (*đăng tải*)
- Trang TTĐT Sở Tư pháp; (*đăng tải*)
- Lưu: VP, HC&PBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Công Thiệp